

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**
Năm báo cáo : **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009**

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- + Việc thành lập : *tháng 11 năm 1992*
- + Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần : *tháng 05/1998 từ nhà nước sang Công ty Cổ phần.*
- + Niêm yết : *ngày 29/12/2006*
- + Các sự kiện khác : *không có*

2. Quá trình phát triển

- + Ngành nghề kinh doanh : *đại lý vận tải Đa phương thức và tiếp vận kho bãi, đại lý tàu biển & môi giới hàng hải.*
- + Tình hình hoạt động : *đạt tốc độ tăng trưởng đều đặn.*

3. Định hướng phát triển : *dịch vụ kho bãi và giao nhận vận tải đa phương thức.*

- + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : *phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận , Logistics.*
- + Chiến lược phát triển trung và dài hạn : *dịch vụ kho bãi và giao nhận vận tải .*

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2009 : *tổng doanh thu : 124,39 tỷ. Lãi trước thuế : : 39.36 tỷ. Cổ tức : dự kiến 5% trên vốn điều lệ (trả bằng tiền mặt).*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch) : *tổng doanh thu đạt : 124,39% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt : 212.76% so với kế hoạch.*

- Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới) : *góp vốn thành lập Công*

ty TNHH SITC Việt Nam, Công ty Safi chiếm 51% vốn điều lệ (tương đương 204,000 USD) và chính thức đi vào hoạt động vào ngày 01/06/2009.

- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu) : thực hiện các bước chuẩn bị cho việc xây dựng cao ốc văn phòng tại 209 Nguyễn Văn Thủ , Quận 1 – Tp.HCM .

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần : 31.76% ,

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần : 28.12%

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản : 4.04%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản : 3.58%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu : 7.14%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần : 14.09%

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1.06 lần,

+ Khả năng thanh toán nhanh 0.58 lần.

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động) : Đại lý giao nhận vận tải Đa phương thức là một trong số những dịch vụ bị cạnh tranh cạnh tranh bởi các Công ty đa-quốc-gia và khoảng 800 công ty trong nước.

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Công ty vẫn đạt mức doanh thu và lợi nhuận hơn năm 2008. Doanh thu tăng so với dự kiến 24.39% nhưng lợi nhuận trước thuế tăng 112.76% so với kế hoạch.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 19.639 đồng/cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : tăng vốn điều lệ thêm 55.266.540.000 đồng.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...) : 8.289.981 cổ phiếu phổ thông.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...) không có trái phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 8.289.981 cổ phiếu phổ thông .

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có) : *không có*
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : *dự kiến 5% trên vốn điều lệ bằng tiền mặt.*

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

	2007	2008	2009
<i>Doanh thu</i>	<i>98.399708.742</i>	<i>121.276.524.427</i>	<i>124.388.504.438</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>29.906.972.259</i>	<i>40.949.030.814</i>	<i>39.357.109.442</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>26.614.326.675</i>	<i>37.525.708.499</i>	<i>35.171.239.423</i>
<i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i>	<i>56.071.192.261</i>	<i>133.418.320.601</i>	<i>163.460.031.506</i>
<i>Tổng tài sản</i>	<i>271.847.172.665</i>	<i>290.459.860.362</i>	<i>326.359545.342</i>

Năm 2009 mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Đại lý giao nhận vận tải Đa phương thức là một trong số những dịch vụ bị cạnh tranh cạnh tranh bởi các Công ty đa-quốc-gia như APL, Schenke, Maersk, Panalpina, Kuhne Nagel, v . v . . .

Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Công ty vẫn may mắn đạt mức doanh thu và lợi nhuận tương đương năm 2008. So với năm 2008 lợi nhuận thực hiện năm 2009 có giảm chút ít 3.89% nhưng đã vượt xa so với kế hoạch đề ra là 112.76%.

Ngoài ra trong năm 2009 lợi nhuận từ các Liên doanh liên kết đều đạt được sự ổn định cao so năm 2008. Cũng trong năm nay Safi có liên doanh góp vốn thành lập Công ty Liên Doanh SITC Việt Nam với vốn điều lệ là 400.000 USD trong đó Safi chiếm 51% vốn điều lệ.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Hoạt động nghiệp vụ theo qui trình ISO 9001:2000.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tiếp tục đầu tư mạnh vào hạ tầng kho bãi và tiếp vận, thắt chặt quan hệ với các đại lý nước ngoài, tham gia các dự án đầu tư của các công ty trong nhóm ngành hàng hải .

IV. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998 và Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán: Thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 đồng. Tương đương 8.289.981 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI
Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Các đơn vị thành viên:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty con	
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải COSFI	Số 6A, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 601, Tòa nhà DG, số 15 Trần Phú, Thành phố Hải Phòng
Công ty liên kết	
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 56 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh, Xí nghiệp và Điểm kinh doanh:	
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thánh Tông, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Số 54 Phố Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Tp Hải Phòng
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Ván Hồ, Số 51 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Số 59A Lê Lợi, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 39 Đường Lê Thánh Tôn, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- CN Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 4 Lê Lợi - Thành phố Vũng Tàu
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Số 39Bis Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh
- Kho hàng Safi	Số 6 Đào Trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cư	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2010





Số: 222/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 10 tháng 03 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc



Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biền

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		152.273.538.239	148.788.398.161
310	I Nợ ngắn hạn		152.125.735.441	148.604.008.937
312	1 Phải trả người bán		36.921.898.062	65.584.856.035
313	2 Người mua trả tiền trước		12.346.179.208	20.609.792.278
314	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.786.465.636	2.038.441.828
315	4 Phải trả người lao động		5.777.609.115	8.835.131.328
316	6 Chi phí phải trả		31.742.000	-
319	5 Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	92.261.841.420	51.535.787.468
330	II Nợ dài hạn		147.802.798	184.389.224
336	1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		147.802.798	184.389.224
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.460.031.506	134.175.586.830
410	I Vốn chủ sở hữu	15	162.808.591.426	133.418.320.601
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	27.633.278.054
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		888.575.222	-
417	3 Quỹ đầu tư phát triển		-	10.880.787.788
418	4 Quỹ dự phòng tài chính		3.281.512.944	1.048.728.062
420	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.102.572.606	60.219.414.097
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		651.440.080	757.266.229
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		651.440.080	757.266.229
439	C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10.625.975.597	7.495.875.371
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		326.359.545.342	290.459.860.362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1 Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		1.928.373,12	3.142.483,39

Kế toán trưởng



Võ Thị Phương Lan

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010



Tiên Nguyễn Hùng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		152.273.538.239	148.788.398.161
310	I Nợ ngắn hạn		152.125.735.441	148.604.008.937
312	1 Phải trả người bán		36.921.898.062	65.584.856.035
313	2 Người mua trả tiền trước		12.346.179.208	20.609.792.278
314	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.786.465.636	2.038.441.828
315	4 Phải trả người lao động		5.777.609.115	8.835.131.328
316	6 Chi phí phải trả		31.742.000	-
319	5 Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	92.261.841.420	51.535.787.468
330	II Nợ dài hạn		147.802.798	184.389.224
336	1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		147.802.798	184.389.224
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.460.031.506	134.175.586.830
410	I Vốn chủ sở hữu	15	162.808.591.426	133.418.320.601
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	27.633.278.054
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		888.575.222	-
417	3 Quỹ đầu tư phát triển		-	10.880.787.788
418	4 Quỹ dự phòng tài chính		3.281.512.944	1.048.728.062
420	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.102.572.606	60.219.414.097
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		651.440.080	757.266.229
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		651.440.080	757.266.229
439	C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10.625.975.597	7.495.875.371
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		326.359.545.342	290.459.860.362

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1 Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		1.928.373,12	3.142.483,39

Kế toán trưởng



Võ Thị Phương Lan

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010



Trần Nguyễn Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	124.388.584.438	121.276.524.427
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.388.584.438	121.276.524.427
11	4 Giá vốn hàng bán	17	75.114.369.619	70.037.092.362
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.274.214.819	51.239.432.065
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	18	6.092.326.341	15.857.491.693
22	7 Chi phí tài chính	19	1.227.198.954	6.936.268.976
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	3.683.833.334
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		36.588.489.038	33.072.578.849
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		17.550.853.168	27.088.075.933
31	11 Thu nhập khác	20	918.777.323	13.469.613
32	12 Chi phí khác	21	775.288.881	-
40	13 Lợi nhuận khác		143.488.442	13.469.613
45	14 Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		21.662.767.832	13.847.485.268
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.357.109.442	40.949.030.814
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	4.185.870.019	3.423.322.315
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.171.239.423	37.525.708.499
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.653.388.476	2.692.057.470
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		33.517.850.947	34.833.651.029
70	19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	6.710	14.510

Kế toán trưởng



Võ Thị Phương Lan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		39.357.109.442	40.949.030.814
02	Khấu hao tài sản cố định		4.233.629.691	2.264.287.815
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.744.587	(249.797.044)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.548.516.595)	(18.055.667.203)
06	Chi phí lãi vay		-	3.683.833.334
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.043.967.125	28.591.687.716
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.619.407.583)	6.299.365.503
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.090.381.433)	(19.851.680.399)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(184.752.820)	(323.906.763)
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(1.100.833.334)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.054.098.790)	(3.357.310.768)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.730.120.426	1.606.518.006
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		1.901.636.254	(2.289.817.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.272.916.821)	9.574.022.255
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.909.550.339)	(16.755.266.196)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		906.852.814	-
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(25.861.000.000)	-
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.838.508.355)
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.670.214.487	8.432.030.135
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.193.483.038)	(14.161.744.416)
	II *Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.371.656.000	46.398.855.600
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(40.000.000.000)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.424.197.885)	(5.965.995.458)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.052.541.885)	432.860.142

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(24.518.941.744)	(4.154.862.019)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		109.528.885.241	116.664.802.453
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.578.287.947	(2.981.055.193)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	88.588.231.444	109.528.885.241

Kế toán trưởng

Võ Thị Phương Lan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 đồng. Tương đương 8.289.981 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số các công ty con tại thời điểm 31/12/2009 là 2 công ty, Trong đó:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất là 02 Công ty, cụ thể:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải COSFI	Tp HCM	51%	51%	Dịch vụ Đại lý kho vận, giao nhận hàng hóa, đại lý container, dịch vụ cung ứng hàng hải cho các hãng tàu
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Hải Phòng	51%	51%	Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển

Công ty TNHH SITC Việt Nam (Công ty con) chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi từ ngày 08/05/2009.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất tại thời điểm 31/12/2009 là 2 công ty, bao gồm:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Tp HCM	45%	45%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Tp HCM	23%	23%	DV vận tải, kho vận và giao nhận

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998 và Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;

- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán: Thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, đường số 2, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Tp Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Kết quả hoạt động kinh trong năm 2009 của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Công ty liên kết) được hợp nhất theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009 là 17.941 VND/USD.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	4.965.190.375	3.513.843.658
Tiền gửi ngân hàng	62.623.041.069	106.015.041.583
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	-
Cộng	88.588.231.444	109.528.885.241

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình với giá trị là 15 tỷ đồng, lãi suất 10,49%/năm và tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với giá trị 6 tỷ đồng, lãi suất 9,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.861.000.000	-
Cộng	25.861.000.000	-

(*) Là số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi (Công ty con) tại hai Ngân hàng sau:
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh: Căn cứ vào Bản chào tiền gửi đặc biệt số 275/NHTMCP NT,KTGD HCM ngày 25 tháng 11 năm 2009 trong đó quy định, kỳ hạn huy động là 18 tháng, có quyền chọn rút trước hạn sau 2 tuần; Lãi suất huy động áp dụng phụ thuộc vào thời gian thực gửi của Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi và Xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2009 của Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh là 1 triệu đô la Mỹ;
- Ngân hàng TNHH 1 Thành viên HSBC (Việt Nam): Căn cứ vào Xác nhận tiền gửi có kỳ hạn (TMD) ngày 27 tháng 11 năm 2009 trong đó đã xác nhận: Số dư tiền gửi là 8 tỷ đồng Việt Nam; Ngày đáo hạn là 27/01/2010; Lãi suất cố định là 3,7%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	10.679.221.906	5.576.986.990
Phải thu cước xuất phòng Sea	1.074.116.329	1.921.010.248
Phải thu cước THC phòng Sea	130.025.057	208.850.335
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	402.828.923	136.003.604
Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông	-	2.438.042.570
Phải thu BHXH	11.542.000	-
Phải thu cước phòng FWD hàng Air	-	-
Phải thu khác (*)	14.097.035.526	6.734.108.425
Cộng	26.394.769.741	17.015.002.172

(*) Trong đó Số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm ngày 31/12/2009 với giá trị 13.314.820.395 đồng là khoản thu hộ Cosco Holding Pte.Ltd khi Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi làm đại lý hàng hải của Cosco (Công ty con) tại Việt Nam

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	1.973.143.800	2.539.286.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.032.817.378	6.901.384.378
Cộng	6.005.961.178	9.440.670.378

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	80.343.112.518	17.724.434.223	3.531.467.532	101.599.014.273
2. Số tăng trong năm	11.822.292.336	4.275.622.314	266.186.164	16.364.100.814
- Mua sắm mới	-	4.275.622.314	266.186.164	4.541.808.478
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.822.292.336	-	-	11.822.292.336
3. Số giảm trong năm	5.365.200.000	1.312.380.900	51.771.000	6.729.351.900
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.312.380.900	-	1.312.380.900
- Giảm khác	5.365.200.000	-	51.771.000	5.416.971.000
4. Số dư cuối năm	86.800.204.854	20.687.675.637	3.745.882.696	111.233.763.187
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	6.219.937.475	5.966.765.886	2.311.379.787	14.498.083.148
2. Số tăng trong năm	2.238.154.956	1.688.663.621	306.811.114	4.233.629.691
- Trích khấu hao	2.238.154.956	1.688.663.621	306.811.114	4.233.629.691
3. Số giảm trong năm	-	552.870.720	1.078.562	553.949.282
- Thanh lý, nhượng bán	-	552.870.720	-	552.870.720
- Giảm khác	-	-	1.078.562	1.078.562
4. Số dư cuối năm	8.458.092.431	7.102.558.787	2.617.112.339	18.177.763.557
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	74.123.175.043	11.757.668.337	1.220.087.745	87.100.931.125
2. Cuối năm	78.342.112.423	13.585.116.850	1.128.770.357	93.055.999.630

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.195.017.234 đồng

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm		-
2. Số tăng trong năm		9.882.524.453
- Tăng khác		9.882.524.453
3. Số giảm trong năm		-
4. Số dư cuối năm		9.882.524.453
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm		-
2. Số tăng trong năm		66.431.238
- Trích khấu hao		66.431.238
3. Số giảm trong năm		-
4. Số dư cuối năm		66.431.238
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm		-
2. Cuối năm		9.816.093.215

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	392.694.350	15.536.878.393
- Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng cao ốc	392.694.350	392.694.350
- Tổ hợp kho Đà Nẵng	-	15.144.184.043
Mua sắm tài sản cố định	718.095.238	-
- Xe tải FAW	718.095.238	-
Cộng	1.110.789.588	15.536.878.393

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	57.826.157.279	42.425.245.682
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	53.846.060.030	38.662.871.217
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.980.097.249	3.762.374.465
Đầu tư dài hạn khác	1.706.123.000	1.706.123.000
Cộng	59.532.280.279	44.131.368.682

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (*)	Tp HCM	45%	45%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (**)	Tp HCM	23%	23%	DV vận tải, kho vận và giao nhận

(*) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ

(**) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 4410.000 USD chiếm 49%

Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 31/12/2009	Lãi trong năm
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	49.495.280.030	47.655.655.663
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	594.497.249	946.620.802
Đầu tư dài hạn khác			
		31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
Đầu tư trái phiếu		5.000.000	5.000.000
Công ty Vinalines		1.500.000.000	1.500.000.000
Thẻ hội viên Golf		201.123.000	201.123.000
Cộng		1.706.123.000	1.706.123.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	167.254.603	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	513.957.244	-
Cộng	681.211.847	-

12 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Là khoản tiền đặt cọc để thuê văn phòng tại Thành phố Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH SITC Việt Nam (Công ty con).

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	417.793.622	242.341.525
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.005.053.864	873.282.635
Thuế Thu nhập cá nhân	142.828.708	-
Các loại thuế khác	2.220.789.442	922.817.668
Cộng	4.786.465.636	2.038.441.828

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	548.889.022	340.654.398
Bảo hiểm xã hội	6.232.618	14.475.980
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.216.900.000	-
Phải trả, phải nộp khác	83.489.819.780	51.180.657.090
<i>Phải trả cược nhập các hãng đại lý</i>	<i>20.786.093.880</i>	<i>30.390.024.794</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>6.229.377.953</i>	<i>11.234.727.027</i>
<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>4.523.452.016</i>	<i>3.794.597.121</i>
<i>Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>2.087.313.325</i>	<i>1.159.742.930</i>
<i>Chi nhánh Quy Nhơn</i>	<i>1.064.193.741</i>	<i>1.309.095.482</i>
<i>Phải trả cược xuất phòng Sea</i>	<i>-</i>	<i>18.465.986</i>
<i>Phải trả cược THC phòng Sea</i>	<i>-</i>	<i>44.438.661</i>
<i>Thuế cược</i>	<i>160.845</i>	<i>160.845</i>
<i>Phải trả thu hộ Cosco Holding Pte.Ltd</i>	<i>47.274.320.246</i>	<i>-</i>
<i>Khác</i>	<i>1.524.907.774</i>	<i>3.229.404.244</i>
Cộng	<u>92.261.841.420</u>	<u>51.535.787.468</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39 Đoàn Như Hải, Phường 4, Quận 4, T.p Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	11.385.008.054	-	-	9.926.998.525	1.038.726.270	33.126.173.639	55.476.906.488
Tăng vốn trong năm	16.248.270.000	-	-	-	-	-	16.248.270.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	37.525.708.499	37.525.708.499
Tăng khác	-	33.636.112.600	-	3.756.715.570	829.570.887	-	38.222.399.057
Giảm khác	-	-	-	2.802.926.307	819.569.095	10.432.468.041	14.054.963.443
Số dư cuối năm	27.633.278.054	33.636.112.600	-	10.880.787.788	1.048.728.062	60.219.414.097	133.418.320.601
Tăng vốn trong năm	55.266.540.000	-	-	-	-	-	55.266.540.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	33.517.850.947	33.517.850.947
Tăng khác	-	-	1.086.482.995	14.994.179.030	2.275.784.882	-	18.356.446.907
Giảm khác	-	-	197.907.773	25.874.966.818	43.000.000	51.634.692.438	77.750.567.029
Số dư cuối năm nay	82.899.818.054	33.636.112.600	888.575.222	-	3.281.512.944	42.102.572.606	162.808.591.426

Đơn vị tính: VND

(*) Giảm khác trong năm của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Trích trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2008 tăng vốn	32.154.900.982	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.275.784.882	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	14.994.179.030	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.275.784.882	VND
- Phán bố Lợi ích CĐTS tại ngày 31/12/2009	(66.466.963)	VND
- Giảm khác	509.625	VND
Tổng cộng	51.634.692.438	VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	14,21%	11.782.437.711	14,21%	3.927.480.000
Vốn góp của đối tượng khác	85,79%	71.117.380.343	85,79%	23.705.798.054
Cộng	100%	82.899.818.054	100%	27.633.278.054

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	27.633.278.054
- Vốn góp đầu năm	27.633.278.054	11.385.008.054
- Vốn góp tăng trong năm	55.266.540.000	16.248.270.000
- Vốn góp cuối năm	82.899.818.054	27.633.278.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.396.597.800	3.602.970.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	30.396.597.800	3.602.970.000

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06-2008/NQ - HĐQT ngày 20/11/2008 về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2008 với tỷ lệ 10% (mỗi cổ phần được nhận 1.000 VND);

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02-2009/NQ-ĐHCD ngày 28/02/2009 thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2008 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.981	2.763.327
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.981	2.763.327
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	2.763.327
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.981	2.763.327
- Cổ phiếu phổ thông	8.289.981	2.763.327
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	10.880.787.788
Quỹ dự phòng tài chính	3.281.512.944	1.048.728.062
Cộng	3.932.953.024	12.686.782.079

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	124.388.584.438	121.276.524.427
Cộng	124.388.584.438	121.276.524.427

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	75.114.369.619	70.037.092.362
Cộng	75.114.369.619	70.037.092.362

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.743.009.594	5.367.000.400
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	6.661.090.290
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.349.316.747	1.821.307.106
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.008.093.897
Cộng	6.092.326.341	15.857.491.693

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	-	3.683.833.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.981.488.753
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.221.132.498	270.946.889
Chi phí tài chính khác	6.066.456	-
Cộng	1.227.198.954	6.936.268.976

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu thanh lý, bán TSCĐ	906.852.814	-
Thu nhập khác	11.924.509	13.469.613
Cộng	918.777.323	13.469.613

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi thanh lý, bán TSCĐ	774.044.600	-
Chi phí khác	1.244.281	-
Cộng	775.288.881	-

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.185.870.019	3.423.322.315
Cộng	4.185.870.019	3.423.322.315

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định cụ thể như sau:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.357.109.442	40.949.030.814
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	394.467.091	270.946.889
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	270.946.889
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	394.467.091	
- Các khoản điều chỉnh giảm	21.662.767.832	22.516.669.455
<i>lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	2.008.093.897
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	6.661.090.290
<i>Lãi từ liên kết</i>	21.662.767.832	13.847.485.268
Tổng thu nhập chịu thuế	18.088.808.701	18.703.308.248
<i>Safi</i>	13.604.379.942	11.386.406.801
<i>Cosfi</i>	3.244.604.884	7.316.901.447
<i>SITC</i>	1.239.823.875	-
Thuế suất thuế TNDN		
<i>Safi</i>	25%	28%
<i>Cosfi</i>	25%	25%
<i>SITC</i>	25%	
Tỷ lệ miễn giảm thuế TNDN		
<i>Safi (*)</i>	0%	50%
<i>Cosfi (**)</i>	30%	0%
<i>SITC (**)</i>	30%	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành	4.185.870.019	3.423.322.315
<i>Safi</i>	3.401.094.986	1.594.096.953
<i>Cosfi</i>	567.805.855	1.829.225.362
<i>SITC</i>	216.969.178	-

(*) Căn cứ vào Công văn số 11924 ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế TNDN cho các tổ chức niêm yết chứng khoán lần đầu. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Năm 2008 là năm thứ hai Công ty được giảm thuế TNDN

(**) Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi và Công ty TNHH SITC Việt Nam được miễn giảm 30% thuế TNDN trong năm 2009

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	33.517.850.947	34.833.651.029
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.517.850.947	34.833.651.029
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.995.245	2.400.719
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.710	14.510

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2009 VND</u>
Góp vốn vào công ty		
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	3.628.344.000
Cung cấp dịch vụ		
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	117.975.637
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Công ty liên kết	806.465.891
Nhận cung cấp dịch vụ		
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Công ty liên kết	1.270.222.800
Nhận tài đầu tư		
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Công ty con	2.769.477.028
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Công ty liên kết	6.261.856.235

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2009 VND</u>
Phải trả		
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Công ty liên kết	80.034.801

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ tin học (AISC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

Chi tiêu	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
Báo cáo LCTT				
Lợi nhuận trước thuế	01	40.949.030.814	27.101.545.546	13.847.485.268
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.055.667.203)	(4.208.181.935)	(13.847.485.268)

Kế toán trưởng



Võ Thị Phương Lan

Lập ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Nguyễn Hùng

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : *Công ty Liên doanh COSFI, công ty liên doanh SITC .*

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : *Công ty con Hải Phong.*

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : *nắm giữ 51% vốn góp của Liên doanh Cosfi, nắm giữ 51% vốn góp của Liên doanh SITC và 45% vốn góp của liên doanh Yusen Việt Nam, 23% vốn góp của liên doanh KCTC Việt Nam.*

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

Công ty Liên doanh COSFI đạt lãi trước thuế năm 2009 là : 3.155.280.016 đồng.

Công ty Liên doanh Yusen Việt Nam năm 2009 là : 47.655.655.663 đồng

Công ty Liên doanh KCTC Việt Nam năm 2009 là : 946.620.802 đồng .

Công ty TNHH SITC Việt Nam lãi trước thuế năm 2009 là : 1.003.787.213 đồng

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/niêm yết :

Cơ cấu tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý vận tải Safi bao gồm:

Tổng Giám đốc : phụ trách điều hành chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động đại lý vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển trong và ngoài nước, liên doanh, công tác tổ chức nhân sự và kế toán tài chính.

Phó tổng Giám đốc: phụ trách Đại lý vận tải đa phương thức, gồm: Đại lý vận tải đường biển, đường không, đường bộ và các dịch vụ giao nhận và kho vận (logistic);

Phó tổng Giám đốc: phụ trách dịch vụ đại lý tàu biển, bao gồm đại lý tàu cho các Hãng Cosco, Đông Nam Á; hãng có tàu feeder; môi giới hàng hải và dịch vụ hàng hải.

Phó tổng Giám đốc: phụ trách Pháp chế và Phát triển .

Sáu chi nhánh rải khắp cả nước: bao gồm chi nhánh Hà Nội, chi nhánh Hải Phòng, chi nhánh Quảng Ninh, chi nhánh Quy Nhơn, chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Vũng Tàu .

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành :

1/ Ông Trần Nguyên Hùng : TGD

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 05/09/1958
Nơi sinh: Nha Trang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 177/20/19A Nguyễn Văn Đậu, F.11, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn
Quá trình công tác:
1976 - 1980: Cán bộ Công ty Xây dựng Uông Bí - Quảng Ninh.
1980 - 1993: Cán bộ Công ty Đại lý Hàng hải Việt Nam
04/1993- 1994 : Phó phòng Shipping Agency
1994- 01/1995 : Trưởng phòng Airfreight
01/1995- 03/2000: Trưởng phòng Seafreight và phụ trách toàn bộ mảng Freight Forwarding & Logistics toàn quốc .
03/2000: Phó Giám đốc phụ trách toàn bộ mảng Freight Forwarding & Logistics toàn quốc
Những người có liên quan: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2/ Ông Bùi Quang Cảnh : Phó TGD

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 01/08/1957
Nơi sinh: Hải phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hải phòng
Địa chỉ thường trú: 16L, Hoàng Diệu, F.10, Phú nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn
Quá trình công tác:
05/1979 – 06/1980: Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Hải phòng
07/1980 – 03/1993: Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Qui non
04/1993 – 07/1994 : Nhân viên Đại lý Hàng hải Việt Nam Vũng tàu
08/1994 – 04/1997 : Nhân viên SAMTRA
05/1997 – 11/1997 : Nhân viên phòng Đại lý thương vụ Cty CP DLVT SAFI
12/1997 – 09/2008 : Phó, trưởng phòng Đại lý thương vụ Cty CP DLVT SAFI
09/2008 – Nay : phó tổng giám đốc Cty CP DLVT SAFI
Những người có liên quan: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3/ Ông Nguyễn Cao Cường : Phó TGD

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11-12-1967
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 429/4 Nguyễn Kiệm , F. 9 ,Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: kỹ sư hàng hải ,ngành điều khiển tàu biển
Quá trình công tác:
1985 - 1990 : Học Đại Học Hàng Hải Hải Phòng.
1990 - 1993 : Thuyền phó 3 ,Cty V/tải biển Thái Bình Dương , Bộ Nội Vụ.
1993 - 10/2005: Nhân viên -Trưởng phòng đại lý vận tải đường biển SAFI
10/2005 - 3/2008 : Phó Tổng Giám Đốc công ty Liên doanh YUSEN –VN
03/2008 - 9/ 2008: Trưởng Phòng đại lý vận tải hàng không SAFI
09/2008 - Nay : Phó tổng giám đốc
Những người có liên quan: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4/ Ông Phan Thông : Phó TGD

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 08-6-1965
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: Số 72, Hoàng Hoa Thám, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Ngoại ngữ tiếng Anh
- Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Cử nhân Luật
Quá trình công tác:
1987-1992 : Nhân viên Đại lý tàu biển Việt Nam tại Hải Phòng;
1992-1994 : Cán bộ đại diện Đại lý Hàng hải Việt Nam tại Hà Nội;
1995 - 09/2008 : Làm việc tại SAFI. Đã qua các chức vụ: Phó trưởng phòng Đại lý vận tải, phụ trách Chi nhánh Hà Nội; Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.
09/2008 - Nay : Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SAFI Hà Nội .
Những người có liên quan: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : *không*
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động : *276 người. Thực hiện theo chính sách nhà nước đối với người lao động.*
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị : *không đổi trong năm 2008.*
- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc ...*theo thang bảng lương quy định của nhà nước.*

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành phần của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành) :

Thành phần của HĐQT nhiệm kỳ 2007-2012 :

1. Ô. Trần Mạnh Hà (*không điều hành*)
2. Ô. Hoàng Đăng Doanh (*không điều hành*)
3. Ô. Nguyễn Hữu Cư (*không điều hành*)
4. Ô. Trần Nguyên Hùng
5. Ô. Phan Thông

Thành phần của Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2007-2012 :

1. Ô. Phạm Sỹ Nhung (*không điều hành*)
2. Ô. Hồ Anh Tuấn (*không điều hành*)
3. Bà Phùng Thị Nga (*không điều hành*)

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên : *họp thường kỳ theo qui.*
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành : *họp thường kỳ theo qui.*
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...) : *không có tiểu ban.*
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : *họp thường kỳ theo qui.*
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty : *hoạt động bình thường.*

- Khả năng thực hiện trách nhiệm của HĐQT : *tốt* .
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT : *3.16% (ba phẩy mười sáu phần trăm)*
- Thù lao của thành viên HĐQT và những người điều hành chủ chốt khác của công ty : *thù lao năm 2009 : 192.000.000 đồng cho các thành viên HĐQT + BKS* .
- Các giao dịch liên quan : *không* .

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông : dựa trên danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 26/06/2009.

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông : *14.21% cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam), 3,16.% Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát 2.35%; Ban Giám đốc 0.17%, còn lại là cổ đông ngoài 80.10%.*

- Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn : *không có* .

- Số lượng cổ đông ngoài tổ chức phát hành : *2.382 cổ đông (gồm 01 cổ đông nhà nước)* .

- Số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông ngoài tổ chức phát hành : *toàn bộ* .

TP.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2010

TM Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Nguyên Hùng